

BÁO CÁO

**Kết quả 03 năm thực hiện Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013
của Chính Phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện công văn số 5182/BTNMT-TCMT ngày 09/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Báo cáo kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính Phủ, UBND tỉnh Bình Định báo cáo một số nội dung cụ thể sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

1.1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trong hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản.

Trong năm 2016, tỉnh đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đối với các cụm công nghiệp, tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại 7 CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Qua đó, đã yêu cầu các CCN này tăng cường yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm phải đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung; đồng thời yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng các CCN phải thường xuyên vận hành để xử lý nước thải đảm bảo theo quy định.

Để tăng cường công tác bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo định kỳ hàng năm, đột xuất lập kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị khai thác thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định. Qua đó, từng bước nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp trong hoạt động khai thác khoáng sản.

1.2. Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện thông qua hình thức Hội đồng. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường luôn nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định bằng việc mời các chuyên gia đầu ngành đối với dự án phức tạp về môi trường, tổ chức khảo sát thực tế tại các nhà

máy có loại hình tương tự ở các tỉnh khác để học tập kinh nghiệm, thực hiện chặt chẽ quy trình ISO 14000 song hành cùng với thủ tục hành chính của Sở.

Trong hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. Qua đó, đôn đốc, hướng dẫn các chủ dự án thực hiện theo đúng quy định.

1.3. Công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Đối với công tác thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật, từ năm 2015 đến năm 2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các huyện tiến hành thu gom trên toàn địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, do việc thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng chưa triển khai nhiều, nên qua 2 đợt chỉ thu gom được hơn 3 tấn bao bì. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cũng yêu cầu các huyện triển khai công tác thu gom, quản lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT về Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Đối với chất thải chăn nuôi, các cơ quan quản lý môi trường các cấp trong tỉnh cũng đã tiến hành nhiều đợt kiểm tra để nhắc nhở, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường và thực hiện công tác xử lý chất thải. Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã hướng dẫn các huyện, các xã cách thức xử lý chất thải chăn nuôi thông qua việc hướng dẫn triển khai tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

1.4. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

Thực hiện Quyết định số 1440/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020; UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các quy định sau:

- Quyết định số 1017/QĐ-CTUBND ngày 5/5/2009 của UBND tỉnh về việc Thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 công trình Khu xử lý chất thải rắn phục vụ Khu kinh tế Nhơn Hội, theo đó, phê duyệt quy hoạch khu xử lý chất thải rắn diện tích là 29,7 ha, để thu gom và xử lý chất thải rắn cho Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu dân cư lân cận thuộc huyện Phù Cát và Cụm công nghiệp cát Nhơn, có quy hoạch hạng mục xử lý CTNH với tổng khối lượng CTNH được xử lý là 17 tấn/ngày.

- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh về việc Quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Ngoài ra, trong năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng kế hoạch "Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh" đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 và kế hoạch "Thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại từ các nguồn thải nhỏ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020". Theo dự kiến, kế hoạch này sẽ được UBND tỉnh ban hành trong năm 2017.

1.5. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất hoạt động dưới danh nghĩa làng nghề để gia công, sản xuất các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Trong năm vừa qua, các cơ quan quản lý cấp trung ương và cấp tỉnh cũng đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra tại các làng nghề, trong đó đối với các làng nghề có cơ sở ô nhiễm, đã yêu cầu các cơ quan chức năng đầu tư các hệ thống xử lý chất thải để giảm thiểu ô nhiễm ra môi trường. Đối với làng nghề thuộc danh sách các làng nghề ô nhiễm trên toàn quốc, huyện cũng đã có phương án di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề đến khu quy hoạch tập trung.

1.6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, thân thiện môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong thời gian qua, các cơ quan quản lý môi trường từ tỉnh đến huyện hàng năm đều thực hiện tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đến người dân bằng nhiều hình thức như: mittinh, đạp xe đạp, diễu hành cổ động, trồng cây xanh, dọn vệ sinh, tuyên truyền trực quan, phát tờ rơi, hội thảo, hưởng ứng ngày "Ngày đa dạng sinh học", "Ngày môi trường thế giới" và "Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn"; tổ chức cuộc thi vẽ tranh, thi kiến thức về môi trường cho học sinh, sinh viên, phụ nữ,...; thi thiết kế các sản phẩm từ vật liệu phế thải;... đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho thanh niên giai đoạn 2015 - 2018; đã biên soạn "Sổ tay hướng dẫn thực hiện các hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường trong trường học" nhằm hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường đến học sinh, sinh viên các trường. Phát động các chương trình bảo vệ môi trường đến các khu dân cư thông qua việc thực hiện chương trình nông thôn mới ở một số địa phương. Ngoài ra, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường ở các xã phường, huyện, thị xã, thành phố và phổ biến các văn bản pháp quy mới về BVMT cho các Doanh nghiệp trong địa bàn.

Nhìn chung các hoạt động truyền thông được duy trì đều đặn với hình thức và nội dung ngày càng phong phú. Tập huấn, truyền thông tại cộng đồng được thực hiện hàng năm với hàng trăm lượt người tham dự

II. Tình hình thực hiện các vấn đề cấp bách về môi trường sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 35

1. Tình hình đầu tư hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu cụm công nghiệp

Hiện nay, trên toàn tỉnh Bình Định có 01 Khu kinh tế Nhơn Hội (gồm 3 khu công nghiệp: khu A, khu B, khu C), 03 khu công nghiệp (Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa) và 42 cụm công nghiệp (CCN) đã đi vào hoạt động.

Trong đó, 03 KCN Phú Tài, Long Mỹ và Nhơn Hòa đều đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định. Các KCN trong KKT Nhơn Hội đã hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung phục vụ nhu cầu thu gom và xử lý nước thải tại các doanh nghiệp trong KKT.

Có 07/42 CCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên, hiệu quả xử lý chưa cao vì hệ thống ít hoạt động do chưa thu gom triệt để nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt (lượng nước thải thu gom ít hơn so với công suất xử lý của hệ thống). Đối với các CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, phần lớn các cơ sở trong CCN tự xử lý nước thải và thải trực tiếp vào môi trường đất.

2. Công tác bảo vệ môi trường trong các hoạt động khoáng sản

a. Công tác thanh tra, kiểm tra

Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; trong 03 năm qua, các ngành chức năng đã tiến hành hơn 100 lượt kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường tại 38 doanh nghiệp, dự án khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; kiểm tra giám sát việc hoàn thổ, phục hồi môi trường các doanh nghiệp, dự án khai thác khoáng sản titan trên địa bàn tỉnh.

Qua kết quả thanh tra, kiểm tra đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính về khai thác khoáng sản và quy phạm các quy định về bảo vệ môi trường với 08 trường hợp với số tiền hơn 750.000.000 đồng.

b. Công tác ký quỹ, CTPHMT:

Rà soát, hoàn thiện các quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo hướng quy định đầy đủ kinh phí cho các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; làm rõ phương án, trách nhiệm cải tạo phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường công tác ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường. Trong đó, nổi cộm là văn bản số 3446/UBND-KT ngày 15/8/2016 về việc chấp hành pháp luật về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, yêu cầu các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, trường hợp không thực hiện sẽ bị thu hồi Giấy

phép theo quy định Luật khoáng sản năm 2010. Do vậy, việc ký quỹ từng bước được thắt chặt.

Theo thống kê, đến thời điểm hiện nay, có khoảng 272 dự án khai thác khoáng sản của 145 doanh nghiệp đã được thẩm định dự án CTPHMT (hoặc không có dự án CTPHMT đối với các đối tượng không lập dự án CTPHMT theo quy định) với tổng số tiền ký quỹ CTPHMT phải nộp là 337,7 tỷ. Các tổ chức, cá nhân đã nộp 73 tỷ (số tiền còn lại chưa đến thời điểm ký quỹ của các tổ chức, cá nhân).

c. Công tác cải tạo, phục hồi môi trường:

Hiện nay, hầu hết các dự án khai thác khoáng sản (ngoại trừ các dự án khai thác khoáng sản titan do UBND tỉnh cấp phép đã hết thời hạn khai thác) đang trong thời gian khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đang làm thủ tục (thăm dò nâng cấp trữ lượng theo quy định) để xin cấp phép mới trên diện tích cũ đã khai thác nên các đơn vị chưa triển khai tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường. Công tác cải tạo, phục hồi môi trường các dự án titan do UBND tỉnh cấp phép được thống kê, đánh giá như sau:

Hiện nay, phần lớn diện tích đã khai thác titan của các doanh nghiệp thuộc diện tích đất quy hoạch nuôi tôm công nghệ cao theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, diện tích 460 ha. Do vậy, UBND tỉnh đã văn bản số 5922/UBND-KTN ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh về việc hoàn thổ, phục hồi môi trường của các doanh nghiệp khai thác titan tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ chỉ đạo các đơn vị dừng việc hoàn thổ, trồng rừng diện tích khai thác titan thuộc quy hoạch nuôi tôm để đề nghị đơn vị nộp số tiền hoàn thổ, trồng rừng vào ngân sách tỉnh.

3. Công tác thu gom xử lý chất thải tại các thành phố lớn, các lưu vực sông

Hiện nay trên địa bàn thành phố Quy Nhơn được UBND tỉnh Bình Định chú trọng đầu tư công tác thu gom, xử lý chất thải.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, đã đầu tư xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, tỷ lệ thu gom đạt khoảng 95%.

Đối với nước thải sinh hoạt, đã đầu tư 02 Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (tổng công suất 16.350 m³/ngày đêm), tỷ lệ thu gom đạt khoảng 30%.

Các công trình này được thực hiện bởi dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn, dự kiến trong thời gian tới tỉnh sẽ mở rộng phạm vi thu gom nước thải và nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung góp phần giảm thiểu ô nhiễm đáng kể cho thành phố Quy Nhơn.

4. Công tác bảo vệ môi trường khu vực nông thôn

- Đối với việc bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh Bình Định đã triển khai một số dự án, chương trình thâm canh, nâng cao năng suất, trong đó có sự giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường như chương trình cánh đồng mẫu về thâm canh cây lúa cải tiến SRI ở 4 huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, Hoài Nhơn. Tổng diện tích triển khai 1014 ha, được 3072 hộ tham gia. Chương trình đã giúp bà con nông dân gieo sạ mật độ hợp lý, bón phân theo yêu cầu dinh dưỡng của cây lúa, quản lý sâu bệnh theo chương trình IPM nên đã giúp nông dân tiết kiệm được lượng giống gieo sạ, phân bón, thuốc trừ sâu nhưng tăng được năng suất, chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Tuy nhiên, việc tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng các loại hóa chất BVTV, phân bón hóa học của người dân chưa đảm bảo. Các hộ dân còn sử dụng thuốc BVTV với liều lượng cao hơn khuyến cáo của nhà sản xuất, xử lý sai kỹ thuật đối với thuốc BVTV còn dư và các dụng cụ sau khi sử dụng. Chính hiện trạng trên đã góp phần không nhỏ vào việc gây ô nhiễm môi trường của địa phương cũng như gây ra những tác động tiêu cực đến sức khỏe của chính những người sử dụng thuốc BVTV.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 – 2015 theo Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 17/12/ 2009 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Bình Định đã thực hiện được những kết quả như sau:

- + Tỷ lệ dân nông thôn có nước hợp vệ sinh đạt 95%; trong đó nước sạch theo quy chuẩn đạt 58,2%;
- + Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 69,7%;
- + Tỷ lệ trường học có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 79,7%;
- + Trạm y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 100%;
- + Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại gia súc hợp vệ sinh là 80,6%.

5. Công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề

Hàng năm, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Công thương và các địa phương có làng nghề kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở trong làng nghề và ban quản lý các làng nghề. Đồng thời, tỉnh Bình Định đã triển khai thực hiện một số chương trình, đề tài nghiên cứu hoặc triển khai áp dụng các công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý ô nhiễm đối với các ngành nghề ô nhiễm, cụ thể: Đề tài nghiên cứu giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường đối với làng nghề của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 02/9/2012: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia khắc

phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015, tỉnh Bình Định có làng nghề chế biến tinh bột sắn Hoài Hảo (huyện Hoài Nhơn) thuộc danh sách cần khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, việc lập dự án xử lý ô nhiễm môi trường đối với làng nghề rất phức tạp. Hiện đã đề xuất Tổng cục Môi trường kế hoạch khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề chế biến tinh bột mì xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn, Bình Định (văn bản số 1464/STNMT-CCBVMТ ngày 01/11/2016).

Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đề xuất bổ sung một số đối tượng cần khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại Làng nghề sản xuất bún tươi Ngãi Chánh xã Nhơn Hậu (Thị xã An Nhơn), Làng nghề chế biến hải sản khô Xuân Bình – Xuân Thạnh (huyện Phù Mỹ), Làng nghề chế biến tinh bột mì xã Bình Tân (huyện Tây Sơn) vào Chương trình mục tiêu khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường.

6. Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Trên địa bàn tỉnh chỉ có Công ty TNHH Nhật Khánh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, tái chế các sản phẩm từ cao su thiên nhiên và cao su, nhựa phế liệu và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu số 01/GCN-STNMT ngày 20/01/2014 (thời hạn Giấy chứng nhận đến ngày 31/12/2016) nhưng Công ty đã đóng cửa và dừng hoạt động sản xuất.

7. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học

- Tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tiếp tục triển khai Quyết định số 314/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Hành động về bảo vệ Đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hiện đang xây dựng Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, tiêu thụ trái phép các loài được ưu tiên bảo vệ. Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 07/5/2014 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1869/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại đến năm 2020, qua rà soát cho thấy trên địa bàn tỉnh hiện nay có 02 đối

tượng sinh vật ngoại lai xâm hại là Ốc bươu vàng và cây Mai dương; diện tích lúa bị nhiễm Ốc bươu vàng khoảng 200 ha, diện tích bị cây Mai dương xâm hại không đáng kể. Hàng năm tỉnh đều tiến hành phòng trừ diệt ốc bươu vàng, đồng thời xây dựng khảo nghiệm, đánh giá khả năng xâm hại của sinh vật ngoại lai với diện tích 05 ha.

- Đồng thời, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua, tỉnh đã triển khai nhiều chương trình, đề tài, dự án như Chương trình Bảo tồn rùa biển, các dự án về bảo vệ hệ sinh thái ven bờ (rạn san hô, rừng ngập mặn),...

III. ĐÁNH GIÁ CHUYÊN BIẾN SAU 3 NĂM THỰC HIỆN NQ 35

1. Khó khăn, vướng mắc:

- Quản lý chất thải rắn, môi trường nông thôn, quản lý môi trường biển và hải đảo, quản lý đa dạng sinh học... còn một số nội dung còn trùng lặp, phân định chưa rõ ràng giữa các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường; giữa Chi cục Bảo vệ môi trường với Chi cục Biển và Hải đảo, Phòng Quản lý Tài nguyên nước,...

- Các chủ trương, chính sách và quy định về BVMT đã được củng cố và hoàn thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn sự thiếu đồng bộ, chồng chéo và thường xuyên thay đổi, điều chỉnh dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện. Công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2011 - 2015 phát sinh nhiều nội dung mới, yêu cầu chuyên môn sâu như: Quản lý chất thải nguy hại, nhập khẩu phế liệu, quản lý đa dạng sinh học, đất ngập nước, bảo tồn thiên nhiên, ứng phó sự cố tràn dầu,...

- Ngân sách của tỉnh Bình Định còn gặp nhiều khó khăn nên không bố trí đủ cho các chương trình xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường, xử lý chất thải,...

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường đã được tăng cường nhưng chưa được thường xuyên; kết quả xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vẫn chưa triệt để.

- Chưa có chính sách cơ chế phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia đầu tư, xây dựng các dự án, công trình xử lý chất thải, đặc biệt trong chất thải rắn.

Những khó khăn, hạn chế trên xuất phát từ một nguyên nhân chính như:

Nhiều văn bản hướng dẫn dưới Luật chưa kịp thời, cụ thể; một số lĩnh vực thiếu các văn bản quy định và hướng dẫn nên đôi lúc triển khai công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gặp khó khăn.

Nguồn lực của địa phương còn khó khăn nên kinh phí dành cho bảo vệ môi trường còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp còn thiếu,

năng lực chuyên môn ở một số lĩnh vực còn hạn chế, ở cấp xã chưa bố trí cán bộ chuyên trách công tác quản lý môi trường.

Một số cấp uỷ Đảng, Chính quyền chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với công tác bảo vệ môi trường, trong nhận thức còn ưu tiên nhiều về tăng trưởng kinh tế nên còn có những chủ trương, quyết định chưa cân nhắc kỹ đến vấn đề bảo vệ môi trường.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

a. Trong đó tập trung chính:

Xây dựng và triển khai chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trong công tác thu gom, xử lý chất thải. Hỗ trợ hoạt động của Nhà máy xử lý CTNH tại Phù Cát hoạt động hiệu quả. Đảm bảo kinh phí chi sự nghiệp môi trường hàng năm của tỉnh đạt 1% trở lên so tổng chi ngân sách của tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm. Đảm bảo công tác hậu kiểm sau cấp phép và phúc kiểm công tác khắc phục ô nhiễm một cách chặt chẽ. Di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư; quy hoạch và thành lập ít nhất một mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp xanh thân thiện môi trường.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường nhất là những khu vực ô nhiễm như làng nghề, cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, các công trình hạ tầng như bãi chôn lấp.

b. Các giải pháp cụ thể khác:

Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường:

Kiên toàn bộ máy cán bộ quản lý môi trường ở cấp tỉnh, thành phố, huyện, xã theo đúng quy định hiện hành;

Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và kinh phí phục vụ các hoạt động thanh tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp.

Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường:

Ban hành Chính sách hỗ trợ các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn (các đơn vị tư nhân); triển khai thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với các nhiệm vụ công ích về BVMT; tiến tới nhân rộng cho mô hình thu gom rác tại các thị trấn, nhằm giảm áp lực về ngân sách nhà nước, để tập trung cho việc thu gom, xử lý rác khu vực nông thôn; Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt tại các tòa nhà cao tầng mới xây dựng; chính sách khuyến khích tái sử dụng, tái chế chất thải rắn;

Sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ các đơn vị xử lý ô nhiễm môi trường theo quyết định 130/2002/QĐ-UB theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tạo điều

kiện cho doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn với chính sách đã ban hành; hỗ trợ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện việc xử lý ô nhiễm.

Lập Kế hoạch BVMT của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, trong đó ban hành danh mục các chương trình, dự án ưu tiên về môi trường cần được thực hiện và giao cho các ngành, địa phương liên quan chủ trì triển khai.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Hàng năm tiến hành lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

Triển khai thực hiện và rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế Bảo vệ môi trường của tỉnh, trong đó trọng tâm là nội dung về công tác phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các địa phương, đơn vị trong QLNN về BVMT, phù hợp với quy định mới của Luật BVMT 2014. Tăng cường năng lực cho Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, phát huy vai trò phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm môi trường, kiên quyết lập hồ sơ xử lý hình sự đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường:

Củng cố hoạt động Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Định theo hướng tập trung đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ tài chính cho công tác BVMT trên địa bàn tỉnh: cho vay, tài trợ, nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn cũng như tổ chức Quỹ.

Tiếp tục duy trì và tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường. Hướng dẫn, kiểm tra việc phân bổ và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tại các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường nhất là những khu vực ô nhiễm như làng nghề, cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, các công trình hạ tầng như bãi chôn lấp tại các huyện; xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị tập trung tại khu vực đô thị (An Nhơn, Bồng Sơn).

Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường:

Hoàn thiện và ban hành Quy hoạch mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh, trong đó rà soát và xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp sự phát triển KT - XH giai đoạn 2016 - 2020. Bổ sung và hoàn thiện mạng lưới các điểm quan trắc, phù hợp với tiến độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chú trọng các khu vực nhạy cảm và các điểm nóng về môi trường.

Tăng cường hoạt động quan trắc chất lượng môi trường hàng năm. Từ 2018, tăng tần suất quan trắc lên 3 lần/năm. Xây dựng 01 trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tự động tại thành phố Quy Nhơn đồng thời nghiên cứu xây dựng chỉ số chất lượng môi trường không khí phù hợp điều kiện thực tế ở địa phương, nhằm thông báo định kỳ tình hình ô nhiễm để nhân dân biết và cùng theo dõi, giám sát. Xây dựng 1 - 2 trạm quan trắc chất lượng nước ngầm (về chất lượng, trữ lượng) nhằm theo dõi diễn biến ô nhiễm và đánh giá các tác động do hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Ban hành quy định bắt buộc lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao: (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 500m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000m³/h trở lên), đảm bảo đến 2018 phải hoàn thành việc lắp đặt và trang bị hệ thống giám sát từ xa, kết nối về Sở TNMT để theo dõi thường xuyên.

Ứng dụng khoa học công nghệ và thông tin trong quản lý, quan trắc. Xây dựng/ triển khai ứng dụng các phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc, dữ liệu nguồn thải hàng năm, các phần mềm dự báo diễn biến chất lượng môi trường.

Tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường:

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyên viên, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác QLMT.

Tiếp tục duy trì và gia tăng số lượng các lớp tập huấn về môi trường hàng năm tổ chức trên địa bàn tỉnh, dành cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp huyện và cấp xã, tối thiểu 200 lượt người được tập huấn hàng năm, tập trung chủ yếu về hướng dẫn công tác quản lý môi trường cấp cơ sở. Phối hợp với các đơn vị tư vấn, kỹ thuật, các trung tâm, viện nghiên cứu ngoài tỉnh để tổ chức các buổi hội thảo, giới thiệu về công nghệ xử lý chất thải hiệu quả, cho đối tượng là các cán bộ quản lý các ngành, địa phương và các chủ doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền về BVMT và biến đổi khí hậu cho thanh niên. Phối hợp các hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông về môi trường cho các hội viên, đoàn viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên truyền viên ở các hội đoàn thể để thực hiện nhiệm vụ, chú trọng đối tượng học sinh, sinh viên, thanh niên. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo ở cơ sở. Phối hợp Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên xây dựng các mô hình BVMT trong xây dựng nông thôn mới, nhằm thực hiện hiệu quả, thành công tiêu chí 17 về môi trường, phù hợp điều kiện địa phương.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục về môi trường và phát triển bền vững, nhất là với các cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các ngành kinh tế và các địa phương. Duy trì và thực hiện nghiêm việc đưa nội dung thực hiện công tác

bảo vệ môi trường thành một trong những tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng cá nhân, cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương,... Yêu cầu các sở, ban ngành và địa phương trong tỉnh đưa nội dung kiểm điểm công tác bảo vệ môi trường vào báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm, theo đúng tinh thần chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW.

Phát huy tối đa hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Xây dựng các chuyên đề bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát định kỳ trên Đài Phát thanh - truyền hình Bình Định.

Các giải pháp về quy hoạch phát triển:

Lồng ghép nội dung quy hoạch BVMT gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh 5 năm 2016-2020. Đến năm 2019, xây dựng riêng Quy hoạch BVMT của tỉnh giai đoạn 2020-2030 theo quy định tại Điều 8, điều 9 Luật BVMT; là định hướng phát triển bền vững cho các ngành, các địa phương tham khảo khi xây dựng quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

Các quy hoạch phát triển của các ngành phải gắn với BVMT, đặc biệt là ngành nông nghiệp. Các khu nuôi trồng tập trung (thủy sản, chăn nuôi) phải đánh giá tác động môi trường tổng thể trong quá trình lựa chọn vị trí. Đồng thời phải đầu tư hạ tầng về BVMT. Như vậy, các chủ dự án thứ cấp đầu tư vào khu nuôi- trồng tập trung đó sẽ dễ dàng hơn trong chấp hành quy định BVMT và công tác BVMT sẽ hiệu quả hơn.

Tiếp tục thực hiện chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh, bên cạnh đó kiên quyết không chấp nhận đối với các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (bột giấy, nhuộm, sản xuất ốc quy chài, sản xuất hóa chất, thuộc da,...) và các dự án có suất tiêu hao nhiên liệu, năng lượng lớn (điện, nước, tài nguyên khác), không phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

Xây dựng Chiến lược quản lý tổng hợp tài nguyên nước của tỉnh nhằm phục vụ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh về nguồn nước, bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ nhằm tạo khung hành động cho phát huy thế mạnh dải ven biển, phát triển kinh tế biển bền vững, chú trọng du lịch sinh thái biển.

Các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật:

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các nhà máy phong điện tại Khu kinh tế Nhơn Hội, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lượng sạch. Nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

Đối với chất thải nguy hại: hỗ trợ DNTN Hậu Sanh, Công ty TNHH Phú Hà đẩy nhanh tiến độ đầu tư Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp nguy hại, nhằm thực hiện được đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của các cơ sở SXKD. Ứng dụng công nghệ mới (lò vi sóng) để xử lý CTNH trong y tế, nhằm giảm ô nhiễm thứ cấp từ quá trình đốt CTNH.

Tiếp thu và ứng dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường cho các loại hình gây ô nhiễm đặc trưng trên địa bàn, đặc biệt tại các làng nghề, cụm công nghiệp. Bước đầu tập trung cho làng nghề tinh bột mì, làm bún, tái chế kim loại.

Nghiên cứu xây dựng giải pháp và mô hình thu gom – xử lý chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng của nông dân, giảm hiện tượng vứt bừa bãi ra đồng ruộng.

Nghiên cứu giải pháp tái sử dụng bột đá làm vật liệu xây dựng, hỗ trợ cho đơn vị ứng dụng, nhằm giải quyết triệt để nạn đổ thải bột đá tràn lan như hiện nay.

Các giải pháp khác:

Tăng cường năng lực phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất. Trang bị các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho các đơn vị kỹ thuật trong hoạt động phòng ngừa và ứng cứu sự cố, theo đúng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được UB quốc gia tìm kiếm cứu nạn phê duyệt.

Tăng cường hợp tác quốc tế và tranh thủ sự hỗ trợ về môi trường của các tổ chức quốc tế, các quốc gia khác.

Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường và công bố công khai thông tin môi trường của tỉnh trên website của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên Môi trường.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Chính phủ

Quy định mục chi kinh phí sự nghiệp môi trường vào chỉ tiêu pháp lệnh để đảm bảo việc sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

Quyết định bổ sung biên chế cán bộ chuyên trách môi trường tại UBND cấp xã.

2. Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.1. Ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật

Sửa đổi Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT theo hướng cụ thể hóa việc phân cấp quản lý, nội dung chi, quy trình thẩm định nội dung và dự toán,.. đối với nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Bộ TNMT cần đề xuất Chính phủ quyết định đưa mục chi sự nghiệp môi trường ở các cấp là chỉ tiêu pháp lệnh, để đảm bảo việc sử dụng đầy đủ nguồn kinh phí này đúng mục đích.

Sửa đổi Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT, Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT và Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT phù hợp với thực tiễn và sớm ban

hành các văn bản hướng dẫn để địa phương có căn cứ giải quyết các vấn đề môi trường liên quan. Sớm ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường trên phạm vi toàn quốc để đảm bảo tính đồng bộ. Đồng thời, thường xuyên định hướng, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Đối với quy định về chứng nhận các cơ sở là bãi rác thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường, tỉnh Bình Định đã nhiều lần kiến nghị nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn hoặc văn bản điều chỉnh Quyết định số 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị Bộ có văn bản hướng dẫn cụ thể để địa phương tổ chức thực hiện, trong đó đề xuất xem xét lại điều kiện cần phải có bãi rác mới đi vào vận hành chính thức mới được rút tên cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2.2. Một số kiến nghị khác

Hỗ trợ cho địa phương về kỹ thuật, kinh phí trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là vấn đề môi trường tại các làng nghề truyền thống (tinh bột sắn, tái chế đúc kim loại, chế biến nước mắm,...), xử lý sự cố môi trường.

Hỗ trợ kỹ thuật, kinh phí đầu tư cho tỉnh trong việc xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường (nước, không khí).

Tăng cường công tác kiểm tra về BVMT đối với các dự án, cơ sở do Bộ TN&MT thẩm định báo cáo ĐTM, dự án cải tạo phục hồi môi trường nhằm đảm bảo trách nhiệm thực hiện của chủ cơ sở.

Việc triển khai thực hiện các nội dung theo quy định của Luật Đa dạng sinh học gặp rất khó khăn trong (cả cấp tỉnh và cấp huyện). Việc tổ chức thống nhất quản lý giữa các ngành (TN&MT và Nông nghiệp&PTNT) rất bất cập; đề nghị Bộ TN&MT có ý kiến với Bộ Nội vụ về vấn đề này để địa phương triển khai Luật đa dạng sinh học theo quy định.

Trên đây là tình hình triển khai thực hiện Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính Phủ trong thời gian qua, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và môi trường để tổng hợp./. *h*

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- TT.Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN, PVPCN;
- Lưu: VT, K4, K6, K14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Châu